

BÁO CÁO

Sơ kết tình hình thực hiện nhiệm vụ 9 tháng đầu năm và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2019

Sản xuất nông nghiệp 9 tháng đầu năm có những thuận lợi, khó khăn đan xen, cụ thể: Về sản xuất, bệnh dịch tả heo Châu Phi đang xảy ra, lây lan nhanh ra diện rộng, khó kiểm soát đang gây áp lực lớn cho việc phát triển chăn nuôi; mưa nắng đan xen làm cho môi trường ao nuôi không ổn định, giảm sức đề kháng của tôm nuôi tạo điều kiện cho bệnh phát sinh; giá cả đầu ra một số sản phẩm chính như lúa, tôm sú, tôm thẻ, cá tra, heo hơi, mía nguyên liệu, và một số loại rau màu không ổn định và ở mức thấp gây ảnh hưởng đến thu nhập của người sản xuất; ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới gây thiệt hại đến sản xuất, nhà ở của một số hộ nông dân. Tuy nhiên, hạn mặn không gây áp lực cho sản xuất, bệnh cúm gia cầm, LMLM, đại chó có phát sinh nhưng nhanh chóng được khống chế, nhiều giống lúa và cây trồng ngắn ngày có khả năng chống chịu sâu bệnh, cho năng suất cao cũng được nông dân ưu tiên lựa chọn, cùng với việc triển khai áp dụng khoa học kỹ thuật trong canh tác, sản xuất ngày càng rộng rãi nên giảm được chi phí, tăng hiệu quả sản xuất, sản lượng thủy sản tăng cao so cùng kỳ.

Về xây dựng nông thôn mới và các nhiệm vụ chuyên môn tiếp tục triển khai thực hiện cơ bản đạt theo tiến độ; các chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn tiếp tục triển khai thực hiện góp phần thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn phát triển.

Kết quả chung về triển khai thực hiện nhiệm vụ của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 9 tháng đầu năm 2019, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành

Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 12 quyết định⁽¹⁾ và 01 đề án; 07 Kế hoạch⁽²⁾, đã trình UBND tỉnh 01 Chương trình và 01 Kế hoạch⁽³⁾; đang hoàn

⁽¹⁾Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 ban hành quy định về điều kiện nuôi tôm nước lợ siêu thâm canh, công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 Ban hành quy định về phân cấp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 tổ chức duy trì 04 chốt Kiểm dịch ở 3 tuyến Quốc lộ 53, 54 và 60; thành lập Đội ứng phó nhanh ngăn chặn bệnh dịch tả heo Châu phi xâm nhập vào địa bàn tỉnh; Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp đối với bệnh dịch tả heo Châu phi trên địa bàn tỉnh năm 2019; Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 về việc kiện toàn BCH phòng, chống thiên tai (PCTT) và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 bổ nhiệm Giám đốc quỹ PCTT; Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 phê duyệt chỉ tiêu thu, nộp quỹ PCTT năm 2019; Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 thành lập Hội đồng thẩm định sản phẩm OCOP; Quyết định số 1274/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 Ban hành Bộ tiêu chí vườn mẫu trong xây dựng NTM trên địa bàn

chính chuẩn bị trình 03 quyết định của UBND và 03 Nghị quyết của HĐND tỉnh⁽⁴⁾.

Ngành đã ký kết 02 Quy chế phối hợp giữa Sở Nông nghiệp với Cục Thống kê và Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh; ban hành 64 Kế hoạch, 21 hướng dẫn, 16 quy trình kỹ thuật các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực và 990 văn bản chỉ đạo điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ của ngành; đang tổng hợp xây dựng 02 đề án và lấy ý kiến về dự toán đề cương, nhiệm vụ 01 đề án⁵.

Tham mưu lập các thủ tục và tổ chức bán đấu giá và thanh lý tài sản 03 trại giống lúa và đang phối hợp đơn vị tư vấn thẩm định tài sản tại Trại giống thủy sản nước ngọt Tiêu Cần.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của ngành 9 tháng đầu năm

- Giá trị sản xuất toàn ngành ước đạt 21.216 tỷ đồng, đạt 75,64% kế hoạch, tăng 1,43% so cùng kỳ, trong đó:

+ Nông nghiệp 13.628 tỷ đồng, đạt 75,23% KH, giảm 2,82%;

+ Lâm nghiệp 235 tỷ đồng, đạt 75,81% KH, tăng 1,05%;

+ Thủy sản: 7.353 tỷ đồng, đạt 76,41% KH, tăng 10,39%.

- Tỷ lệ xã đạt 19 tiêu chí 49,41% (KH là 55,29%)

- Tỷ lệ dân nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh đạt 98,57% (KH là 94%).

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,1% (KH 4,3%).

3. Kết quả về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Cây hàng năm: Trong quý, gieo trồng 62.286 ha, nâng tổng số 9 tháng gieo trồng 239.798 ha, (đạt 86,29% KH), cao hơn cùng kỳ 2.627 ha, trong đó:

tỉnh; Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 phê duyệt kết quả cập nhật Bộ chỉ số Theo dõi – Đánh giá nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh năm 2018.

⁽²⁾Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 12/4/2019 phát triển HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 07/5/2019 thực hiện Đề án phát triển ngành nghề nông thôn năm 2019; KH số 38/KH-UBND ngày 07/5/2019 thực hiện Đề án phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm năm 2019; số 1341/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 phê duyệt Kế hoạch Phòng, chống thiên tai năm 2019; số 1342/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2019; công văn số 1801/UBND-NN ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn các xã ngoài chương trình 30a và chương trình 135; Công văn số 2552/UBND-NN ngày 09/7/2019 phê duyệt Kế hoạch trồng rừng ngập mặn tại tỉnh Trà Vinh theo Chỉ thị “Trồng cây xanh vì hành tinh xanh”.

⁽³⁾; Kế hoạch hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2019-2020 (xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú); Chương trình khuyến nông giai đoạn 2020-2022

⁽⁴⁾ Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh; Định mức kinh tế, kỹ thuật các loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh; quyết định ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; ban hành quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định chi tiết vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; ban hành định mức chi cho công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình, vùng, nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh.

⁽⁵⁾ Đề án cải tạo vườn tạp; đề án chuyển đổi đất trồng mía kém hiệu quả và đề án điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản biển.

- Cây lúa: Gieo trồng 49.711 ha, thu hoạch 69.523 ha, nâng tổng số đến nay xuống giống 195.236 ha (đạt 87,71% KH), cao hơn cùng kỳ 4.873 ha; đã thu hoạch 140.343 ha, đạt 71,88% diện tích gieo trồng, năng suất trung bình 5,88 tấn/ha thấp hơn cùng kỳ 0,11 tấn/ha, sản lượng 825.890 tấn, tăng 28.789 tấn. Diện tích nhiễm sâu bệnh 4.735 ha, chủ yếu là bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, lem lép hạt gây hại trên lúa vụ Hè Thu, tỷ lệ gây hại nhẹ đến trung bình. Nhờ thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, tăng cường công tác dự tính, dự báo nên diện tích sâu bệnh gây hại không nhiều, mức độ ảnh hưởng không đáng kể và không làm ảnh hưởng đến năng suất.

Năm 2019 mặn xuất hiện trễ và độ mặn không cao, nguồn nước ngọt cung cấp đầy đủ thuận lợi cho cây lúa phát triển nên nông dân mở rộng diện tích sản xuất trong vụ Đông Xuân. Tuy nhiên, việc năng suất thấp hơn so với cùng kỳ do một số huyện chuyển đổi cơ cấu giống từ lúa chất lượng trung bình sang lúa chất lượng cao (tăng hơn 10%), giai đoạn lúa trở gặp sương muối làm cho lúa bị lép ảnh hưởng đến năng suất của vụ Đông Xuân; Vụ Hè thu bị ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới làm cho 2.404 ha lúa Hè Thu bị đổ ngã trong giai đoạn chính làm giảm năng suất và chất lượng lúa (trong đó 2.349 ha tỉ lệ đổ ngã từ 10-30% và 55 ha tỉ lệ đổ ngã từ 30-70%), gồm: Tiểu Cần 1.436 ha, Châu Thành 925 ha, Cầu Kè 43 ha.

- Rau màu và cây ngắn ngày khác: Gieo trồng 12.575 ha, nâng tổng số đến nay 44.562 ha (đạt 80,58% KH) thấp hơn cùng kỳ 2.246 ha, gồm: Màu lương thực 5.049 ha, màu thực phẩm 26.518 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 12.995 ha. Đã thu hoạch 39.693 ha, năng suất 24,32 tấn/ha, (giảm so cùng kỳ 1,76 tấn/ha), sản lượng 965.524 tấn, (giảm so cùng kỳ 124.756 tấn). Xây dựng 01 mô hình cánh đồng lớn trên khoai môn, diện tích 20 ha với 64 hộ tham gia tại xã Đại An, huyện Trà Cú, năng suất trung bình 10 tấn/ha, cao hơn ngoài mô hình 01 tấn/ha

Nguyên nhân, do giá đầu ra một số các loại màu thực phẩm, mía không ổn định và ở mức thấp nông dân sản xuất không có lãi nên chưa mạnh dạn đầu tư mở rộng diện tích, đặc biệt là đối với cây mía đường của 02 huyện Trà Cú và Tiểu Cần giảm mạnh cả về diện tích, năng suất và sản lượng làm ảnh hưởng chung đến diện tích, năng suất, sản lượng rau màu và cây ngắn ngày khác của toàn tỉnh, nhiều hộ trồng mía đã chuyển sang trồng lúa, trồng màu, dưa, cây ăn trái và nuôi thủy sản.

Cây lâu năm:

- Cây ăn trái: Trong quý, cải tạo, trồng mới 138 ha, nâng tổng số 9 tháng cải tạo, trồng mới 605 ha, chủ yếu là từ diện tích đất trồng lúa chuyển sang, nâng toàn tỉnh có 18.135 ha (đạt 99,37% KH) với các loại cây trồng chính như: Xoài, cam, quýt, nhãn, chôm chôm, chuối, thanh long,... diện tích cho trái 15.200 ha, sản lượng thu hoạch 225.370 tấn (đạt 88,38% KH) tăng 4,99% so cùng kỳ, do nông dân sử dụng giống chất lượng, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, chăm sóc tốt vườn cây ăn trái nên năng suất đạt khá cao.

- Cây dứa: Trong quý, cải tạo, trồng mới 239 ha, nâng tổng số 9 tháng cải tạo, trồng mới trên 394 ha, hiện toàn tỉnh có 22.440 ha (*vượt 2% KH*), diện tích cho trái 17.992 ha, sản lượng 210.038 tấn (*đạt 75,83% KH*) cao hơn cùng kỳ 7.752 tấn.

Xây dựng 234 điểm điều tra dự báo trên cây lúa và 6 điểm dự tính- dự báo trên cây có múi để dự tính, dự báo các loại sâu bệnh như đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, lem lép hạt trên lúa vụ; bệnh vàng lá thối rễ và sâu đục trái trên cây có múi để xây dựng kế hoạch phòng trị; theo dõi hệ thống bẫy đèn thu mẫu rầy di trú gửi phân tích kiểm tra sự hiện diện của virus lùn lúa cỏ và vàng lùn, lùn xoắn lá lúa; tổ chức 03 lớp tập huấn, phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây lúa tại huyện Tiểu Cần, Cầu Kè và Trà Cú; tổ chức 05 lớp tập huấn hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV an toàn cho 120 nông dân dự và hướng dẫn thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV bỏ đúng nơi quy định; tổ chức ra quân thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV số lượng 868 kg vận chuyển tiêu hủy đúng quy định; nhân nuôi 239.000 ong ký sinh, phóng thích 90.000 ong ký sinh ra môi trường tự nhiên. Nâng tổng số đến nay tổ chức được 41 lớp tập huấn đầu vụ, phòng sâu bệnh trên lúa, hoa màu, cây ăn trái và hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV an toàn cho 1.165 lượt nông dân dự; tập huấn, phòng trừ dịch hại tổng hợp trên lúa; lắp đặt 05 bể chứa bao bì, vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật; thu gom 868 kg bao bì, vỏ chai thuốc BVTV tiêu hủy theo quy định, 08 chuyến khám bệnh lưu động có 232 nông dân mang bệnh phẩm đến tư vấn; nhân nuôi 257.500 ong ký sinh, 1.050 bọ đuôi kim trong phòng thí nghiệm, phóng thích ra môi trường tự nhiên 90.000 ong ký sinh ra môi trường tự nhiên để không chế bọ cánh cứng hại dứa. Ban hành 03 quy trình thủ tục hành chính đề nghị công nhận và công nhận lại cây, vườn cây đầu dòng.

b) Chăn nuôi và thú y

Tính đến ngày 17/9/2019 bệnh dịch tả heo Châu Phi đã phát sinh tại 1.504 hộ ở 333 ấp, khóm của 90 xã, phường, thị trấn thuộc 09 huyện, thị xã, thành phố; đã tiêu hủy 37.753 con heo (*chiếm 11,57% tổng đàn theo thời điểm 01/4*), tổng trọng lượng tiêu hủy 1.912 tấn; ngành đã phối hợp với địa phương tổ chức xử lý tiêu hủy và tiêu độc khử trùng theo quy định; 01 ổ dịch LMLM 19 con heo; 04 ổ dịch cúm gia cầm 5.350 gia cầm; 02 ổ chó bị bệnh dại. Ngành đã phối hợp với các Sở, ban ngành và địa phương thực hiện các biện pháp dập dịch, xử lý không chế và thành lập các chốt kiểm soát dịch bệnh trên các tuyến đường giao thông và các bến đò, phà liên tỉnh để kiểm soát vận chuyển heo, gia cầm và các sản phẩm đã qua giết mổ ra, vào vùng dịch và xuất, nhập tỉnh theo đúng quy định; xây dựng bản đồ dịch tễ để xây dựng kế hoạch dập dịch. Đã xử lý không chế cúm gia cầm, LMLM và dại chó; đến ngày 15/9/2019, có 06 xã, phường, thị trấn (Vinh Kim, thị trấn Mỹ Long và Hiệp Mỹ Đông của huyện Cầu Ngang; xã Long Hữu, Dân Thành, Phường 1 của thị xã Duyên Hải) công bố hết bệnh dịch tả heo Châu Phi.

Ước đến 9 tháng, đàn trâu, bò 209.604 con, (*tăng 1.859 con so cùng kỳ*); heo 219.850 con (*giảm 115.376 con*); đàn gia cầm 7,522 triệu con (*tăng gần 2,74 triệu con*). Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước 51 ngàn tấn, đạt 63,75% kế hoạch.

Bệnh dịch tả heo Châu Phi phát sinh từ ngày 24/5/2019 làm giá heo hơi giảm liên tục và hiện tại giá heo hơi đã tăng trở lại lên mức 36.000 đồng/kg, nhưng các hộ chăn nuôi chưa đầu tư tái đàn do dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, dự kiến từ nay đến cuối năm đàn heo tiếp tục giảm. Giá cầm giá bán tương đối cao và có thị trường tiêu thụ ổn định nên người nuôi mạnh dạn đầu tư tăng đàn, phát triển thêm được nhiều hộ chăn nuôi quy mô lớn liên kết hoặc nuôi gia công cho doanh nghiệp và thương lái tiêu thụ. Bò thịt có giá cao, người chăn nuôi biết áp dụng các biện pháp dự trữ thức ăn từ các phụ phẩm chế biến công và nông nghiệp (rom, bắp, thân đậu phộng, bã mía...) kết hợp nguồn cỏ với thức ăn công nghiệp để nuôi bò vỗ béo nên bò phát triển nhanh.

Tiêm phòng Cúm gia cầm 892 ngàn con gia cầm; LMLM gia súc 9.926 con; Đại chó, mèo 1.844 con; Tai xanh heo 913 liều; các bệnh thường xuyên 172.220 liều và các loại vắc xin khác 1,7 triệu liều. Sử dụng 16.361 lít hóa chất và 165 tấn vôi bột vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường và phòng, chống dịch bệnh với 22,94 triệu m² chuồng trại của 398.505 lượt hộ chăn nuôi trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh: gia súc 48.127 con; gia cầm 1,48 triệu con; sản phẩm động vật 274 tấn. Nâng tổng số 9 tháng tiêm phòng Cúm 2,42 triệu con gia cầm (giảm 48.894 con); LMLM gia súc 63.581 con (tăng 41.110 con); Đại chó, mèo 14.259 con (tăng 1.366 con); Tai xanh heo 4.379 liều (tăng 1.000 liều); các bệnh thường xuyên 706.690 liều (giảm 535.637 liều) và các loại vắc xin khác 4,8 triệu liều (tăng 1,67 triệu liều). Sử dụng 23.604 lít hóa chất và 165 tấn vôi bột vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường và phòng chống dịch bệnh với tổng diện tích hơn 37 triệu m² chuồng trại của 656.993 lượt hộ chăn nuôi trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh: gia súc 191.662 143.535 con, giảm 22% so cùng kỳ; gia cầm 3,21 triệu con, tăng 39% so cùng kỳ; sản phẩm động vật 711 tấn, tăng 31% so cùng kỳ.

Tổ chức điều tra, thống kê lại đàn heo trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền, hướng dẫn đến tận hộ chăn nuôi về cách nhận biết và phòng, chống bệnh dịch tả heo Châu Phi; vận động hộ chăn nuôi thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học, chủ động tiêm phòng cho đàn vật nuôi; xây dựng Kế hoạch tái cấu trúc ngành chăn nuôi theo hướng khuyến khích nuôi đại gia súc (bò, trâu, dê...), gia cầm.

c) Lâm nghiệp

Giao 17 ngàn cây lâm nghiệp phân tán cho các địa phương trồng ven các tuyến đường giao thông nông thôn, trồng mới 153 ha rừng tập trung, chăm sóc 127 ha rừng; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 43.851 m³, sản lượng khai thác củi ước đạt 43.815 ste; tổ chức 279 lượt tuần tra, không phát hiện vi phạm; xác nhận 05 bảng kê xuất bán và cấp 04 giấy phép nuôi động vật hoang dã. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay giao 75 ngàn cây lâm nghiệp phân tán cho các địa phương trồng ven các tuyến đường giao thông nông thôn, đạt 100% kế hoạch, trồng mới 173 ha rừng tập trung, vượt 188,8% kế hoạch; vệ sinh phòng cháy 268,63 ha rừng phòng hộ, vượt 3,72%; chăm sóc 444 ha, khoán bảo vệ 5.452 ha, đạt 100% kế hoạch. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 51.415 m³, tăng 418 m³ so cùng kỳ do người dân thu hoạch một số loại gỗ đến thời kỳ khai thác như: bạch đàn, dầu, gỗ sao, còng,

mù u, cây bàng, tràm bông vàng...; sản lượng khai thác củ ước đạt 257.462 ste, tăng 2.121 ste do hộ tận thu củ từ cải tạo vườn tạp; tổ chức 794 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện xử lý 02 trường hợp vi phạm; xác nhận 20 bảng kê xuất bán và cấp 14 giấy phép nuôi động vật hoang dã.

Tổ chức phun xịt diệt trừ rệp sáp tấn công rừng Đước, diện tích 03 ha, cây bắt đầu phục hồi tốt. Khảo sát, thiết kế xây dựng cống và nạo vét hệ thống kênh dẫn nước nuôi dưỡng khu rừng Đước tại xã Trường Long Hòa. Triển khai thực hiện Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; đang thi công Dự án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang thi công Luồng tàu có trọng tải lớn vào sông Hậu; triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững. Đang hoàn chỉnh Phương án chuyển đổi đất rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất gắn với rà soát Quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trình UBND thông qua HĐND tỉnh phê chuẩn; phối hợp Công ty Cổ phần thủy sản Cửu Long và tổ chức Naturland khảo sát đánh giá các chỉ tiêu là cơ sở cấp chứng nhận tôm sinh thái cho hộ nuôi tôm trên địa bàn xã Long Khánh.

d) Thủy sản

Sản lượng thu hoạch trong quý 75.399 tấn. Nâng tổng số 9 tháng thu hoạch 163.421 tấn, đạt 74,96% kế hoạch, tăng 11,48% so với cùng kỳ (*trung bình tăng 16.830 tấn*), cụ thể:

- Thủy sản nuôi: Thả nuôi 1,68 tỷ con giống, diện tích 4.975 ha, thu hoạch 52.243 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 5,788 tỷ con giống, diện tích 47.286 ha, thu hoạch 101.069 tấn (gồm: Cá lóc 25.907 tấn, tôm sú 9.416 tấn, tôm thẻ chân trắng 39.216 tấn...), đạt 72,2% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 17.695 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 253,4 triệu con tôm sú, diện tích 552 ha; 1,3 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 644 ha; 05 triệu con cua biển, diện tích 2.719 ha; thu hoạch 35.216 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 1,56 tỷ con tôm sú, diện tích 19.552 ha; 3,9 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 6.644 ha (*trong đó có 364 ha nuôi thâm canh mật độ cao, tăng 189 ha so cùng kỳ*); 175 triệu con cua biển, diện tích 18.700 ha (*nuôi chuyên 1.401 ha*); thu hoạch 55.936 tấn (*cao hơn cùng kỳ 10.309 tấn*). Tuy nhiên, tôm nuôi vẫn còn xảy ra các bệnh như đốm trắng, hoại tử gan tụy và bệnh đường ruột đã làm cho 176 triệu con giống tôm sú chiếm 11,2% lượng giống thả nuôi (diện tích 1.049 ha) và 711 triệu con giống tôm thẻ chân trắng chiếm 17,8% lượng giống thả nuôi (diện tích 1.205 ha) bị thiệt hại, tỷ lệ thiệt hại từ 15-19% diện tích thả nuôi.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 129,6 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 1.060 ha (cá lóc 49,8 triệu con, diện tích 94 ha); thu hoạch 17.027 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 230 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 2.190 ha (cá lóc 114,8 triệu con, diện tích 244 ha); thu hoạch 45.133 tấn, cao hơn cùng kỳ 7.385 tấn.

- Thủy sản khai thác: Toàn tỉnh 1.190 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 144.865 CV, tăng 1.045 CV (*265 tàu có công suất từ 90CV trở lên*), góp phần

đưa sản lượng khai thác trong quý đạt 23.157 tấn (3.627 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay đã khai thác 62.352 tấn (9.848 tấn tôm), đạt 79,9% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 865 tấn, trong đó: Khai thác nội đồng 7.564 tấn, khai thác hải sản 54.788 tấn. Hoàn thành đưa vào sử dụng Khu neo đậu tránh trú bão cửa Cung Hầu tạo thuận lợi cho tàu thuyền có nơi trú ẩn an toàn.

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 2.070 tấn (tôm sú 139 tấn, tôm thẻ 1.931 tấn), chế biến 1.927 tấn, tiêu thụ 995 tấn, kim ngạch xuất khẩu 8,45 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 5.067 tấn (tôm sú 358 tấn, tôm thẻ 3.712 tấn), chế biến 4.170 tấn, tiêu thụ 2.425 tấn, kim ngạch xuất khẩu 17,9 triệu USD.

- Kiểm dịch 29,8 triệu con tôm sú giống, 424 triệu con tôm thẻ chân trắng; thu 41 mẫu giáp xác tự nhiên phân tích, kết quả 12 mẫu nhiễm virus gây bệnh đốm trắng. Nâng tổng số đến nay đã kiểm dịch 78,9 triệu con tôm sú giống, 1,103 tỷ con tôm thẻ chân trắng; thu 80 mẫu giáp xác tự nhiên phân tích, kết quả 30 mẫu nhiễm virus gây bệnh đốm trắng. Ngành đã thông báo kết quả đến địa phương và khuyến cáo người dân chủ động lấy nước để hạn chế mầm bệnh lây lan.

2. Tình hình thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất

Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện trong chuyên đổi từ đất trồng lúa sang trồng các loại cây trồng khác và nuôi thủy sản 274; nâng tổng số 9 tháng chuyển đổi 2.094 ha, gồm: Chuyển sang trồng cây lâu năm 1.000 ha (cây ăn trái 606 ha, dừa 394 ha), sang cây hàng năm khác (màu và trồng cỏ) 986 ha, sang chuyên nuôi thủy sản 107 ha. Nâng tổng số từ năm 2014 đến nay đã chuyển đổi 18.473 ha đất trồng lúa sang trồng cây khác và nuôi thủy sản, qua đánh giá sơ bộ hiệu quả tăng từ 1,5 đến 3 lần so với chuyên lúa; trong lĩnh vực nuôi thủy sản chuyển từ hình thức nuôi thâm canh sang thâm canh mật độ cao 166 ha, nâng tổng số đến nay toàn tỉnh có 364 ha nuôi tôm thâm canh mật độ cao, tăng gấp 2,08 lần so cùng kỳ. Ngoài ra, theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Trà Cú do giá mía nguyên liệu sụt giảm, nông dân sản xuất không có lãi nên đã có 1.155,67 ha đất trồng mía chuyển sang các cây trồng khác và nuôi thủy sản, cụ thể: Chuyển sang trồng lúa 621,35 ha, sang màu 269,93 ha, sang cỏ 36,07 ha, sang dừa 42,87 ha, sang cây ăn trái 4 ha, sang nuôi thủy sản 181,45 ha.

3. Phát triển nông thôn

a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Các địa phương tổ chức lồng ghép tuyên truyền 472 cuộc cho 15.104 lượt người dự; công nhận và tái công nhận 4.416 hộ, 33 ấp và 03 xã, nâng tổng số từ đầu năm đến nay các địa phương tổ chức lồng ghép tuyên truyền 1.113 cuộc cho 37.174 lượt người dự, công nhận 19.309 hộ, 106 ấp, 06 xã đạt 19/19 tiêu chí. Tính đến nay, công 176.964 hộ (đạt 79,2% số hộ phát động), 356 ấp (chiếm 52,2% tổng số ấp) và 45 xã đạt 19/19 tiêu chí (chiếm 52,9% tổng số xã), trong đó 42 xã có quyết định công nhận, 05 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, 34 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, 01 xã đạt 09 tiêu chí; tổ chức lễ công bố Quyết định của UBND tỉnh

công nhận 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Tham mưu phân bổ 290,8 tỷ đồng (vốn Trung ương 194,8 tỷ đồng, vốn địa phương 96 tỷ đồng) cho địa phương để đầu tư thi công các công trình xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất, đến nay đã giải ngân được 79,81 tỷ đồng đạt 27,44% kế hoạch vốn phân bổ.

Đang trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ áp thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới giảm nghèo bền vững giai đoạn 2019-2020.

Phối hợp tham gia triển lãm thành tựu 10 năm chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ tại tỉnh Bạc Liêu. Tổng hợp báo cáo chuẩn bị nội dung phục Hội nghị tổng kết 10 năm xây dựng nông thôn mới

b) Ngành nghề nông thôn và Chương trình OCOP

Phối hợp địa phương khảo sát, hỗ trợ lập hồ sơ trình công nhận làng nghề bánh tráng áp Bến Có, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành. Triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ngành nghề nông thôn năm 2019, tổ chức rà soát và làm cam kết với các hộ tham gia dự án.

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định sản phẩm OCOP tại Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 và thành lập tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định tại Quyết định số 01/QĐ-HĐCT ngày 07/8/2019; xây dựng kế hoạch tập huấn triển khai thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; xây dựng kế hoạch thực hiện phóng sự về câu chuyện mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm; tổng hợp thủ tục, hồ sơ trình bổ sung và thay đổi sản phẩm chủ lực và sản phẩm OCOP.

c) Chương trình giảm nghèo bền vững

Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 cho 27 hộ nghèo ở xã Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang, tổng vốn đầu tư 412 triệu đồng, hiện đang tổ chức triển khai thực hiện.

d) Chương trình bố trí dân cư

Lắp đặt tuyến ống cấp nước sinh hoạt cho khu di dân sạt lở xã Đại Phước, huyện Càng Long (giai đoạn 2), kinh phí 1,06 tỷ đồng; lập hồ sơ báo cáo quyết toán hạng mục hoàn thành Dự án Di dân sạt lở áp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành và Di dân sạt lở xã Đại Phước, huyện Càng Long, tổng kinh phí 8,591 tỷ đồng; báo cáo UBND tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và PTNT danh mục các dự án chương trình Bố trí dân cư xin vốn Trung ương năm 2019-2020 (02 dự án chuyển tiếp và 06 dự án khởi công mới); khảo sát và báo cáo thực trạng lở của hộ dân xã Định An và xã Lưu Nghiệp Anh huyện Trà Cú xin chủ trương thực hiện dự án.

Công tác di dời dân: Phối hợp UBND thị xã Duyên Hải khảo sát 19 hộ dân sống trong khu vực rừng phòng hộ để xin chủ trương lập phương án di dời; tuyên truyền, vận động các hộ dân khu vực sát lở vùng ven biển xã Trường Long Hòa khẩn trương xây dựng nhà ở vào vùng dự án.

e) Kinh tế hợp tác

Tổ chức 29 lớp tập huấn thành lập mới và củng cố HTX, phát triển mới 06 HTX, nâng tổng số 9 tháng tổ chức 43 lớp tập huấn thành lập mới và củng cố HTX (củng cố 25 HTX), phát triển mới 28 HTX, nâng tổng số trên địa bàn tỉnh có 122 HTX, tổng diện tích tham gia hợp tác sản xuất 4.964 ha, với 7.061 thành viên; phối hợp, rà soát các tiêu chí của các ngành có liên quan đến lĩnh vực KTHT để thống nhất xây dựng Hướng dẫn chung đánh giá tiêu chí toàn diện HTX. Phối hợp dự án SME khảo sát hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu tập thể cho 03 HTX. Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh về phát triển HTX, Liên hiệp Hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; ban hành Hướng dẫn liên ngành số 153/HD-SNN-KHĐT ngày 10/9/2019 về việc thực hiện Dự án hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: Kết hợp UBND huyện Tiểu Cần hỗ trợ cho các HTX xây dựng mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ vi sinh, diện tích liên kết 1.020 ha; HTX nông nghiệp Huyền Hội xây dựng mô hình khuyến nông gắn với liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp và các HTX với quy mô 100 ha; HTX nông nghiệp Phú Mỹ Châu ký hợp đồng với HTX Nông sản xanh Cần Thơ diện tích 70 ha; HTX nông nghiệp Dân Tiến và Phú Cần liên kết với Công ty Mỹ Lan sản xuất – tiêu thụ lúa theo quy trình canh tác thông minh quy mô 105 ha; hỗ trợ HTX nông nghiệp Tân Hòa, HTX nông nghiệp Vạn Hưng liên kết với Công ty Á Châu tiêu thụ sản phẩm dứa trái.

Về xây dựng HTX nông nghiệp kiểu mới: Có 5/13 HTX tham gia thí điểm được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND; các HTX tăng từ 01 – 03 tiêu chí theo quy định và lộ trình kế hoạch, cụ thể có 02 HTX đạt 7/8 tiêu chí, 09 HTX đạt 6/8 tiêu chí, 02 HTX đạt 5/8 tiêu chí. Hỗ trợ tăng cường 166 cán bộ có trình độ Đại học, Cao đẳng phù hợp về hỗ trợ cho 94 HTX nông nghiệp và phi nông nghiệp.

f) Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Trong quý, lắp đặt 2.564 đồng hồ nước, nâng tổng số lắp đặt mới cho 121.134 hộ; đang triển khai thi công nâng cấp, mở rộng 10 trạm cấp nước sinh hoạt nông thôn đạt 65% khối lượng; tiếp tục khai thác, quản lý và vận hành tốt các trạm cấp nước hiện có; Dự án Xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn đã mở rộng 61.646 m² ống đạt 94,75% khối lượng cho các xã An Trường A (huyện Càng Long), Long Thới và Hiếu Tử (huyện Tiểu Cần), Châu Điền (huyện Cầu Kè); tiếp tục thực hiện các bước để thanh lý tài sản 42 trạm cấp nước không còn sử dụng được theo Quyết định 1287/QĐ-UBND ngày

11/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh để thực hiện Kế hoạch chuyển đổi Trung tâm Nước sạch và VSMTNT thành Công ty cổ phần.

4. Công tác xây dựng cơ bản

Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện 26 dự án (13 dự án chuyển tiếp và 13 dự án khởi công mới), gồm: 04 công trình phục vụ nuôi, khai thác thủy sản; 07 công trình đê, kè; 15 công trình dân dụng, giải ngân 61,7 tỷ đồng, lũy kế đến nay đã giải ngân 234,5 tỷ đồng, đạt 35,4% kế hoạch.

5. Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Các địa phương tổ chức nạo vét 409 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 309,4 km, khối lượng 809,7 ngàn m³ đạt 90,7% kế hoạch, giảm 9,3% so với cùng kỳ.

Nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng công trình duy tu, bảo dưỡng đê điều đoạn 1,95 km bờ biển và công trình khắc phục sạt lở kè tạm đầu phía Bắc công trình kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải; công trình khắc phục sạt lở khẩn cấp 54,25m đoạn đường đaml Xóm Đáy, ấp Chợ, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú. Công trình sửa chữa các cầu trên tuyến đê biển tiến độ đạt 99% giá trị hợp đồng; đã phê duyệt kinh tế - kỹ thuật 11/11 công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn phòng, chống hạn mặn năm 2019.

Phối hợp với các đơn vị liên quan và chính quyền địa phương khảo sát sạt lở tuyến đê bao ven sông Tân Dinh thuộc ấp Bung Lớn B, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè.

Tổ chức 109 đợt kiểm tra đê điều, phát hiện 09 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số 9 tháng tổ chức 201 đợt kiểm tra đê điều, phát hiện 31 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành giáo dục và xử lý theo quy định.

Ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới:

- Thiệt hại về nhà ở: 62 căn (sập hoàn toàn 10 căn; tốc mái, siêu vẹo 52 căn) trên địa bàn các xã Long Thới, Phú Cần, Tân Hùng, Long Thới, Phú Cần, thị trấn Tiểu Cần (huyện Tiểu Cần), Sông Lộc, Lương Hoà A, Thanh Mỹ (huyện Châu Thành), xã An Trường A, thị trấn Càng Long (huyện Càng Long) và Vinh Kim (huyện Cầu Ngang). Ước thiệt hại khoảng 376,9 triệu đồng (25 căn nhà ở huyện Châu Thành chưa đánh giá mức độ thiệt hại). Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện cùng các ban ngành đoàn thể và chính quyền địa phương kịp thời đến thăm hỏi động viên các hộ dân xây dựng lại nhà ở.

- Thiệt hại về sản xuất: Đổ ngã 2.404 ha lúa Hè Thu (trong đó có 2.349 ha tỉ lệ đổ ngã từ 10-30% và 55 ha tỉ lệ đổ ngã từ 30-70%), gồm: Tiểu Cần 1.436 ha, Châu Thành 925 ha, Cầu Kè 43 ha.

- Thiệt hại về công trình, cây xanh: Sập 02 pano, gãy đổ 10 cây me ở thị trấn Cầu Quan, 01 cây cổ thụ ở huyện Châu Thành, các địa phương đang tiến hành khảo sát và đánh giá mức độ thiệt hại.

6. Công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý tàu cá và quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP)

Quản lý chất lượng vệ sinh ATTP: Kiểm tra, đánh giá 43 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm và thủy sản, kết quả có 16 cơ sở loại A, 27 cơ sở loại B; cấp mới 72 giấy chứng nhận và 17 giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho 140 người; thu 264 mẫu phân tích các chỉ tiêu về ATTP (107 mẫu nông sản, 157 mẫu thủy sản), kết quả có 08 mẫu không đạt, đã tiến hành xử lý theo quy định. Nâng tổng số đến nay kiểm tra, đánh giá 82 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm và thủy sản, kết quả có 31 cơ sở loại A, 51 cơ sở loại B; cấp mới 96 giấy chứng nhận và 46 giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho 205 người; thu 511 mẫu phân tích các chỉ tiêu về ATTP (206 mẫu nông sản, 305 mẫu thủy sản), kết quả có 12 mẫu không đạt, đã tiến hành xử lý theo quy định.

Quản lý tàu cá, cảng cá: Kiểm tra an toàn kỹ thuật 87 tàu cá, đăng ký 15 tàu, xoá 02 tàu, cấp 44 sổ danh bạ (208 thuyền viên), cấp 141 giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận 1.498 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu. Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 12.309 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 6.280 tấn hàng hoá; cho thuê mặt bằng và thu phí xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản với số tiền 407,2 triệu đồng; cấp phát và hướng dẫn ghi nhật ký khai thác thủy sản cho 32 tàu cá. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 389 tàu cá, cải hoán 14 tàu, đăng ký 52 tàu, xoá 12 tàu, cấp 110 sổ danh bạ (548 thuyền viên), cấp 315 giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận 2.314 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu. Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 12.309 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 13.267 tấn hàng hoá; cho thuê mặt bằng và thu phí xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản với số tiền 1,049 tỷ đồng; cấp phát và hướng dẫn ghi nhật ký khai thác thủy sản cho 185 tàu cá

Thanh tra, kiểm tra: Tổ chức 32 đợt thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi đối với 192 cơ sở, phương tiện vận chuyển giống thủy sản, gia súc, thu 95 mẫu phân bón, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm phân tích, kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 28 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay tổ chức 74 đợt thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi đối với 637 cơ sở, phương tiện vận chuyển giống thủy sản, gia súc, thu 310 mẫu phân bón, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm phân tích, kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 141 trường hợp vi phạm

7. Công tác khuyến nông và công tác giống

a) Công tác khuyến nông

Trong quý, tổ chức 100 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; tư vấn trực tiếp cho 6.064 lượt hộ; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện 05 cuộc phát sóng trực tiếp; 03 bản tin thời sự; 02 chuyên mục. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 288 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; hướng dẫn, hỗ trợ 4.894 lượt nông dân ứng dụng tưới nước tiết kiệm

cho cây trồng cạn; tư vấn trực tiếp cho 8.998 lượt hộ; 04 cuộc hội thảo đánh giá hiệu quả nhân rộng các mô hình có 265 lượt người dự, cấp phát 12.000 tờ tài liệu bướm; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện 08 cuộc phát sóng trực tiếp, 09 bản tin thời sự. Qua đó, thông tin, tuyên truyền cho người dân các tiến bộ kỹ thuật mới, các mô hình sản xuất đạt hiệu quả nhân rộng đến đông đảo người dân; triển khai thực hiện 15 mô hình trình diễn (06 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp và 09 mô hình thuộc các nguồn vốn kết hợp).

Tiếp tục triển khai thực hiện và quản lý 02 dự án thuộc Chương trình “Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2025”: (1) Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao: Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật cho 28 hộ nhận nuôi 80 con bò sinh sản; đào tạo 06 kỹ thuật viên, tập huấn cho 100 lượt nông dân và cấp giống hạt cỏ cho các hộ tham gia mô hình, đến nay bò phát triển tốt, đã có 78 con bò giống mang thai (đạt 100%), 11 con đã sinh bê; (2) Dự án Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao tại Trà Vinh: Tổ chức 04 lớp tập huấn kỹ thuật cho các hộ tham gia mô hình, qui mô 20 ha tại huyện Cầu Kè và Châu Thành, đã xuống giống được 11,2 ha hiện cây đang phát triển tốt, diện tích còn lại dự kiến cuối tháng 9 sẽ xuống giống.

b) Công tác giống

Giống cây trồng: Tổ chức sản xuất 05 ha lúa giống cấp nguyên chủng, hiện lúa đang trong giai đoạn mạ, sinh trưởng và phát triển tốt; tiếp tục chăm sóc các mô hình khảo nghiệm giống bơ sáp, gấc, xoài, chanh; cung ứng 5.160 cây giống các loại và 20,9 tấn lúa giống. Nâng tổng số 9 tháng cung ứng 7.408 cây giống các loại và 100,11 tấn lúa giống (31,16 tấn giống cấp nguyên chủng).

Giống thủy sản: Tổ chức 12 đợt sản xuất giống tôm càng xanh toàn đực, 03 đợt sản xuất giống tôm sú; ương 06 triệu con cá tra bột lên giống, xuất bán 14.500 con cá tra giống; 1,049 triệu con post tôm càng xanh toàn đực. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay đã xuất bán 6,79 triệu post tôm sú, 210 ngàn con cá lóc, 3,39 triệu con cá tra giống, 3,87 triệu con tôm càng xanh toàn đực; điều tiết 30 ngàn con cua biển giống và 7,5 triệu con tôm thẻ chân trắng.

Giống vật nuôi: Tiếp tục chăm sóc đàn dê bố mẹ, dê con và đàn gà đang sinh sản, đã cung ứng 778 con gà. Nâng tổng số 9 tháng đã cung ứng 1.773 con gà và 440 con vịt giống.

8. Tình hình thực hiện các chính sách

Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP: Tỉnh đã cụ thể hóa chính sách hỗ trợ tín dụng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn tại Nghị quyết số 77/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 và UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 về danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Trà Vinh, gồm: Lúa, gạo; tôm (sú, thẻ), rau, quả; cá tra; dứa. Ngành đã phối

hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát các danh mục dự án trình HĐND tỉnh phê duyệt làm cơ sở hỗ trợ đầu tư trong thời gian tới.

Chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Được trung ương phân bổ 84,235 tỷ đồng, địa phương đang triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất lúa.

Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Hỗ trợ đầu tư 448 công trình khí sinh học, 06 bình nitơ, đào tạo 02 dẫn tinh viên. Nâng tổng số đã hỗ trợ đầu tư mua 43 con (heo, bò) đực giống, xây dựng 7.322 công trình khí sinh học, 6.070 liều tinh, 79 bình nitơ, đào tạo 37 dẫn tinh viên, giải ngân 38,5 tỷ đồng, đạt khoảng 68,56% kế hoạch vốn phân bổ.

Chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND: Không phát sinh mới, đến nay chỉ có 01 dự án nuôi tôm thẻ chân trắng được phê duyệt quy mô 9,5ha đã nhận giải ngân 230 triệu đồng; tiếp nhận đề nghị hỗ trợ 01 dự án nuôi dê đang làm thủ tục. Ngành đang tham mưu trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND cho phù hợp với các quy định mới.

Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP: Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng hướng dẫn việc phân bổ, cấp phát, thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND; tổ chức được 17 cuộc tuyên truyền về Nghị định số 98/2018/NĐ-CP và Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND tỉnh và các chính sách hỗ trợ phát triển Hợp tác xã; đang trình UBND tỉnh phê duyệt 03 dự án liên kết tiêu thụ sản phẩm lúa của 03 HTX NN thuộc huyện Cầu Kè.

Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và Nghị định số 17/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 67/2014/NĐ-CP: Không phát sinh mới, từ khi triển khai trương trình đến nay đã hỗ trợ đóng mới 11 tàu cá các tổ chức tín dụng giải ngân 144,6 tỷ đồng, mua bảo hiểm 305 lượt tàu cá và 2.274 thuyền viên, kinh phí 4,43 tỷ và hỗ trợ 07 chuyến vận chuyển hàng hóa, kinh phí 280 triệu đồng.

Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg: Các tổ chức tín dụng cho 426 hộ vay mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch và sau thu hoạch với tổng dư nợ 109 tỷ đồng.

Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP: Các tổ chức tín dụng cho vay sản xuất 20.135 tỷ đồng, dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn 13.150 tỷ đồng, cho vay xuất khẩu 410 tỷ đồng; cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa 2.800 tỷ đồng. Ngoài ra, các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch 29 tỷ đồng, (trong đó cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 30/NQ-CP 01 dự án với dư nợ 28 tỷ đồng).

Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quyết định số 1956/QĐ-TTg: Tham mưu phân bổ 6,6 tỷ đồng cho các địa phương tổ chức đào tạo nghề cho khoảng 1.600 lao động nông nghiệp, nông thôn.

Chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi thủy sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa hỗ trợ theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 39/2011/QĐ-TTg sửa đổi bổ sung Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg: Có 17 chủ tàu cá đăng ký thường xuyên hoạt động khai thác hải sản trên các vùng biển xa, đã hỗ trợ nhiên liệu của chuyến khai thác biển, kinh phí mua máy thông tin liên lạc tầm xa cho 09 tàu với số tiền 2,97 tỷ đồng.

Chính sách bảo hiểm nông nghiệp theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP và Chính sách nông nghiệp hữu cơ theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP: Ngành đang tham mưu UBND tỉnh cụ thể hóa để thực hiện.

Chính sách hỗ trợ, phát triển HTX theo Quyết định số 04/QĐ-UBND: Đến nay đã đưa 166 cán bộ chuyên môn về làm việc có thời hạn tại 94 HTX nông nghiệp; có 98 HTX nông nghiệp được giải ngân kinh phí hỗ trợ thành lập mới, kinh phí 2,94 tỷ đồng.

Thực hiện các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị thiệt hại do dịch tả heo Châu Phi theo Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ: Các tổ chức tín dụng cho vay chăn nuôi heo 383 tỷ đồng, trong đó: Vay sản xuất thức ăn chăn nuôi 09 tỷ đồng, cho vay do bị thiệt hại dịch tả heo Châu Phi 1,02 tỷ đồng.

Chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh: Các địa phương đang xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ, đã giải ngân 1,5 tỷ đồng, nâng tổng số từ khi triển khai chính sách đến nay đã phân bổ cho địa phương 75,31 tỷ đồng hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu ngành, tuy nhiên tỷ lệ giải ngân rất thấp mới đạt khoảng 16% vốn phân bổ.

Chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 – 2020 theo Nghị quyết 56/2018/NQ-HĐND ngày 04/5/2018 của HĐND tỉnh: Có 10 HTX tiếp cận chính sách và có 08 HTX được Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư với tổng vốn đầu tư 17,46 tỷ đồng. Hiện nay, các HTX đang thực hiện các thủ tục thuê đất để đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, nhà kho, sân phơi, cửa hàng vật tư nông nghiệp...

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

Kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành các chính sách, quy định, kế hoạch nhằm cụ thể hóa các văn bản của cấp trên và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của ngành năm 2019.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ngành cao hơn cùng kỳ là nhờ lĩnh vực thủy sản (thủy sản tăng 10,39%). Cơ cấu giá trị sản xuất nội ngành chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp từ 67,04% (9 tháng đầu năm 2018) xuống còn 64,24% (9 tháng đầu năm 2019), tăng dần tỷ trọng ngành thủy sản từ 31,84% lên 34,66%.

Phối hợp với các địa phương chỉ đạo xuống giống lúa, thả giống thủy sản theo lịch thời vụ khuyến cáo hạn chế được sâu, dịch bệnh xảy ra; sản lượng lúa cao hơn cùng kỳ 28.789 ha do tiến độ thu hoạch nhanh hơn.

Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật, phổ biến các mô hình sản xuất có hiệu quả để nhân rộng được thực hiện thường xuyên giúp cho người dân ứng dụng vào sản xuất, đặc biệt là chuyển đổi nuôi thâm hình thức nuôi tôm thâm canh sang nuôi tôm thâm canh mật độ cao tăng gần gấp 2,08 lần so cùng kỳ, góp phần gia tăng sản lượng tôm nước lợ.

Trong chăn nuôi có nhiều mô hình chăn nuôi gia cầm qui mô lớn, nuôi liên kết với các công ty, doanh nghiệp và thương lái tiêu thụ nên tăng mạnh (tăng 2,7 triệu con so cùng kỳ).

Công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới ngày càng sâu rộng; các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng và đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn các xã tiếp tục thực hiện đã làm thay đổi diện mạo và cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn.

Công tác thanh, kiểm tra chuyên ngành được thực hiện thường xuyên góp phần hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm, việc buôn bán vật tư nông nghiệp giả, kém chất lượng.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Kết quả thực hiện chỉ tiêu ngành nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) đạt thấp và giảm so cùng kỳ do diện tích gieo trồng màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác giảm 2.246 ha so cùng kỳ, giảm nhiều nhất là diện tích mía nguyên liệu (giảm 1.985 ha so cùng kỳ) nguyên nhân là giá mía thấp, tiêu thụ gặp khó khăn nông dân sản xuất không có lãi đã chuyển sang trồng lúa, dừa, các loại cây ăn trái hoặc nuôi thủy sản. Bệnh dịch tả heo Châu phi phát sinh và lây lan nhanh, khó kiểm soát làm thiệt hại hơn 10% tổng đàn nên ảnh hưởng lớn đến ngành chăn nuôi; đến nay dịch bệnh chưa được khống chế, các hộ chăn nuôi chưa tái đàn khả năng sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến cuối năm.

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp đạt được một số kết quả, tuy nhiên còn chậm, chưa có đột phá trong việc chuyển đổi mô hình sinh kế theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, các địa phương còn nặng về cây lúa, diện tích chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác chưa đạt yêu cầu. Chưa triển khai xây dựng được nhiều mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là trên các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực.

Chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ chậm đổi mới chưa thu hút được nhiều người dân quan tâm; các mô hình có hiệu quả có đánh giá phổ biến đến các địa phương nhưng chậm được nhân rộng.

Mưa nắng đan xen, chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm làm cho môi trường ao nuôi không ổn định, giảm sức đề kháng của tôm nuôi, tạo điều kiện thuận lợi cho các loại bệnh phát sinh.

Ảnh hưởng bất lợi của thời tiết (bão, áp thấp nhiệt đới) một số tàu khai thác xa bờ có công suất lớn không có thời gian bám biển, sản lượng khai thác

thấp, hiệu quả không cao. Giá tôm nuôi giảm và ở mức thấp, trong khi giá vật tư đầu vào ở mức cao nên người dân thu hoạch lãi chưa cao.

Công tác phòng, chống dịch bệnh ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức, hộ nuôi chưa có ý thức cao trong công tác phòng chống dịch bệnh như chưa chủ động tiêm phòng cho đàn vật nuôi, định kỳ chưa vệ sinh, tiêu độc khử trùng môi trường; chưa kịp thời khai báo dịch bệnh (trong chăn nuôi); chưa thực hiện đúng quy trình cải tạo ao, xử lý lắng lọc nước trước khi lấy vào và thải nước ra môi trường tự nhiên.

Chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tham gia hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn, do nông nghiệp dễ ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là trong điều kiện biến đổi khí hậu như hiện nay.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM

Trên cơ sở kết quả đạt được trong 9 tháng đầu năm, dự báo 3 tháng cuối năm còn nhiều khó khăn như áp lực của dịch bệnh, đặc biệt là dịch tả heo Châu Phi, ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới, nhưng ngành cố gắng phấn đấu để đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, trong thời gian còn lại của năm 2019 Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Hoàn chỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt 02 đề án (Đề án cải tạo vườn tạp và đề án chuyển đổi đất trồng mía kém hiệu quả) và đề cương nhiệm vụ và dự toán lập Đề án điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản ven biển tỉnh Trà Vinh; trình UBND ban hành 05 quyết định và thông qua HĐND ban hành 03 Nghị quyết vào kỳ họp cuối năm 2019. Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành chính sách khuyến nông và định mức kinh tế kỹ thuật các loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2019 về phát triển nông nghiệp nông thôn và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức hội nghị tổng kết đánh giá năm 2019; xây dựng kế hoạch phòng, chống hạn, mặn đảm bảo sản xuất lúa vụ Đông Xuân và Hè Thu năm 2020.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

a) Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật

Hướng dẫn nông dân chăm sóc tốt diện tích lúa Thu đông và Mùa, đảm bảo diện tích thu hoạch và năng suất đạt kế hoạch đề ra; xây dựng ban hành lịch thời vụ, chỉ đạo, hướng dẫn nông dân xuống giống vụ Đông xuân 2020, vận động nông dân sử dụng cơ cấu giống theo khuyến cáo. Hướng dẫn người dân tiếp tục gieo trồng và chăm sóc tốt diện tích cây màu vụ mùa, đồng thời chuẩn bị các điều kiện để sản xuất cây màu vụ Đông Xuân 2019-2020 phục vụ tết Nguyên đán.

Tiếp tục vận động nông dân chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang cây trồng khác có thị trường tiêu thụ và hiệu quả cao hơn theo Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh.

Tổ chức thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo chủ động phòng trừ có hiệu quả trên cây lúa và một số loại cây trồng chính như cây có múi, thanh long, cây dứa, các loại rau, màu,... để dự đoán chính xác nhằm có biện pháp phòng chống dịch bệnh kịp thời và có hiệu quả nhằm đảm bảo năng suất, sản lượng; tiếp tục tập huấn hướng dẫn phòng trừ sâu dịch hại, áp dụng biện pháp phòng trừ tổng hợp (IPM) và chuyên giao nuôi ong ký sinh. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý nhà nước về giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.

Khuyến cáo người dân mở rộng diện tích sử dụng giống tốt, giống chất lượng, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững để giảm chi phí sản xuất; ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm chủ lực.

b) Lĩnh vực chăn nuôi và thú y

Tập trung chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là không chế và kiểm soát dịch tả heo Châu Phi, để có hướng dẫn tái đàn; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện tốt công tác tiêm phòng, vệ sinh tiêu độc khử trùng, chăn nuôi an toàn sinh học để phòng bệnh cho đàn vật nuôi nhất là thời điểm giao mùa; phối hợp với UBND cấp huyện nắm nhu cầu giống vật nuôi thay thế để có biện pháp cung ứng giống kịp thời, đảm bảo hiệu quả chăn nuôi cho người dân có nhu cầu; đề xuất UBND tỉnh hỗ trợ phổ biến các mô hình có hiệu quả trong công tác phòng, chống bệnh Dịch tả heo Châu Phi.

Rà soát tình hình chăn nuôi tại địa phương đặc biệt là những vùng chăn nuôi tập trung, triển khai hướng dẫn, đánh giá tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Cùng cố và kiểm tra kiểm soát vận chuyển, giết mổ động vật, mua bán động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục tập trung phát triển các con nuôi có thể mạnh, gồm: Bò thịt chất lượng cao; heo nuôi theo hướng an toàn sinh học ở những địa phương sau khi công bố hết dịch tả heo Châu Phi; gà ta nuôi thả vườn theo hướng an toàn sinh học và nâng cao tầm vóc và chất lượng đàn dê.

Khuyến khích người chăn nuôi từng bước chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang tập trung theo quy mô trang trại, gia trại, công nghiệp và bán công nghiệp; tiếp tục duy trì và phát triển phương thức chăn nuôi tiên tiến, kết hợp với phát triển chăn nuôi an toàn sinh học để tạo ra sản phẩm chăn nuôi sạch, khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng. Tập trung cải tạo giống theo hướng tăng tỷ lệ giống tiến bộ, có năng suất, chất lượng cao phù hợp với thị hiếu của thị trường.

Thực hiện việc bình tuyển heo, bò đực giống; quản lý các cơ sở chăn nuôi heo, bò đực giống và dịch vụ gieo tinh nhân tạo nhằm đảm bảo cung cấp con giống chất lượng; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

c) Lĩnh vực lâm nghiệp

Triển khai thực hiện hoàn thành Kế hoạch Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019; Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; nhanh chóng trình phê duyệt Phương án chuyển đổi rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch rừng sản xuất gắn với rà soát, điều chỉnh Quy hoạch 03 loại rừng. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia quản lý bảo vệ và phát triển rừng; kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm; triển khai thực hiện tốt các dự án lâm sinh; quản lý và sử dụng hiệu quả Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng.

d) Lĩnh vực thủy sản

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thủy sản; hướng dẫn các quy trình kỹ thuật, triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh và Hướng dẫn số 104/HD-SNN của Sở Nông nghiệp và PTNT; tiếp tục quan trắc cảnh báo môi trường nước và thu mẫu giáp xác phân tích mầm bệnh để có những khuyến cáo kịp thời cho người nuôi; khuyến cáo người nuôi thả giống theo khung lịch thời vụ, đồng thời cất vụ để cải tạo ao hồ chuẩn bị tốt cho vụ nuôi năm 2020. Thực hiện nghiêm quy định về đánh bắt và truy xuất nguồn gốc thủy sản; cấp giấy phép, thông kê nghề khai thác thủy sản, tuyên truyền hỗ trợ ngư dân thành lập mới các tổ đội đoàn kết sản xuất trên biển; triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề và chính khuyến khích, hỗ trợ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định số 48/QĐ-TTg, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và Nghị định số 17/2018/NĐ-CP.

3. Phát triển nông thôn

a) Xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục thông tin tuyên truyền, vận động sâu rộng trong nhân dân; nâng cao nhận thức năng lực xây dựng nông thôn mới cho hệ thống chính trị cấp xã; chỉ đạo quyết liệt việc nâng cao chất lượng các tiêu chí, đặc biệt là tiêu chí môi trường (*trồng cây xanh, hoa theo các tuyến đường nông thôn, mỗi xã có ít nhất 01 tuyến đường hoa*); tiếp tục triển khai mạnh mẽ phong trào thi đua “Trà Vinh cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; phối hợp Sở, ngành, UBND cấp huyện theo dõi và có kế hoạch kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới; khảo sát, đánh giá, xác nhận tiêu chí nông thôn mới các xã đăng ký, phấn đấu đạt chuẩn, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019; hỗ trợ BCĐ huyện Cầu Kè về hồ sơ, thủ tục trình Trung ương xét công nhận huyện Cầu Kè đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019; tham mưu BCĐ tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh.

b) Bố trí dân cư

Thanh toán công nợ phải thu, phải trả theo quyết định phê duyệt quyết toán hạng mục hoàn thành; đôn đốc các địa phương nhắc nhở các hộ thuộc các khu vực sạt lở dân khẩn trương xây dựng nhà ở trong khu ái định cư để ổn định cuộc sống.

c) Chương trình OCOP

Lập hồ sơ chỉ định thầu in ấn sổ tay hướng dẫn thực hiện xây dựng và phát triển sản phẩm OCOP; phối hợp Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện phóng sự về “Câu chuyện sản phẩm” (*phỏng vấn và ghi hình câu chuyện về ý tưởng sáng tạo sản phẩm*); tổ chức 06 lớp tập huấn Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP (04 lớp đối tượng là công chức cấp huyện, xã ; 02 lớp đối tượng là chủ doanh nghiệp, HTX, THT). Phối hợp với các Sở, ngành và địa phương rà soát, đánh giá tiêu chuẩn chất lượng các sản phẩm chủ lực hiện có và tổ chức họp đánh giá, xếp hạng theo tiêu chí sản phẩm OCOP; tổng hợp các sản phẩm, chấm điểm sản phẩm trình UBND tỉnh công nhận.

d) Ngành nghề nông thôn

Phối hợp các địa phương triển khai thực hiện dự án hỗ trợ máy móc, trang thiết bị và dây chuyền sản xuất cho các làng nghề, HTX; kết hợp với UBND xã Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135; kết hợp Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Trà Cú, UBND xã Long Hiệp triển khai thực hiện dự án không còn nạn đói; tổ chức Hội thảo Giồng nông nghiệp trong khuôn khổ Tuần lễ Văn hóa, thể thao, du lịch gắn với Lễ hội Ok-Om-Bok tỉnh Trà Vinh năm 2019.

đ) Kinh tế hợp tác

Tổ chức đánh giá, phân loại HTX, phần đầu có 70% hợp tác xã kiểu mới hoàn thành các tiêu chí theo quy định; tiếp tục tổ chức 06 lớp tập huấn tuyên truyền nâng cao nhận thức về đổi mới, phát triển HTX và Liên hiệp HTX theo Luật Hợp tác xã, liên kết theo chuỗi giá trị (*tổ chức 03 lớp tập huấn thành lập mới HTX, 02 tuyên truyền về liên hiệp HTX, 01 lớp tập huấn về xây dựng dự án liên kết theo chuỗi giá trị*); tổ chức Hội thảo đánh giá kết quả xây dựng mô hình HTX kiểu mới; xây dựng kỹ yếu và quay phóng sự về kết quả xây dựng mô hình HTX kiểu mới. triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch ưu tiên hỗ trợ phát triển các HTX và các kế hoạch phát triển kinh tế hợp tác đã được UBND tỉnh ban hành; phối hợp với các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện tốt các chính sách đầu tư phát triển HTX; tiếp tục hỗ trợ 03 HTX xây dựng nhãn hiệu tập thể và xây dựng website quảng bá sản phẩm.

e) Kinh tế trang trại

Phối hợp với địa phương đánh giá tình hình phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; hỗ trợ địa phương trong thẩm định, công nhận trang trại đạt chuẩn theo quy định.

f) Nước sạch và VSMTNT

Duy trì hoạt động cấp nước tại 116 trạm, tăng thêm 1.500 hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; phối hợp chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước máy; rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân; thực hiện hoàn thành Dự án Xử lý, cải thiện vệ sinh

và môi trường nông thôn năm 2019; hoàn thành thanh lý tài sản (42 trạm cấp nước cũ) theo Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh. Đẩy nhanh tiến độ thi công 10 trạm cấp nước tập trung sớm bàn giao đưa vào sử dụng.

4. Công tác chuyên ngành

Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật: Tổ chức 30 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục phân công cán bộ tư vấn trực tiếp kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản cho nông hộ; tiếp tục theo dõi các mô hình khuyến nông đang thực hiện, tổ chức tổng kết đánh giá hiệu quả làm cơ sở nhân rộng; theo dõi tiến độ thực hiện Dự án chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng. Kết hợp Đài Phát thanh - Truyền Trà Vinh thực hiện các phóng sự, chuyên mục, tọa đàm, các tin thời sự về khuyến nông.

Tiếp tục triển khai thực hiện và nghiệm thu kết thúc các mô hình thực nghiệm, khảo nghiệm giống; tiếp tục sản xuất, cung ứng và điều tiết giống lúa, giống thủy sản, các loại cây trồng và các loại thuần dưỡng giống một số đối tượng nước ngọt và lợn cung cấp cho nông dân có nhu cầu.

Tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; kiểm tra, đánh giá, phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản theo Nghị định số 15/2018 NĐ-CP; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình thông tin cảnh báo kết quả phân tích, kiểm nghiệm dư lượng chất độc hại trong sản phẩm để nhắc nhở cơ sở sản xuất, kinh doanh và cảnh báo cho người tiêu dùng. Thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch nghêu, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông, thủy sản.

Tổ chức 08 cuộc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kiểm soát giết mổ, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, quản lý giống; tổ chức thu mẫu sản phẩm, hàng hóa để phân tích chất lượng và kiểm tra đánh giá an toàn thực phẩm.

Tăng cường công tác quản lý vật tư nông nghiệp nhằm hạn chế tình trạng hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng lưu thông trên địa bàn tỉnh. Quản lý việc chấp hành quy định của Pháp luật trong quảng cáo, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thú y thủy sản và giống cây trồng.

Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương triển khai các biện pháp phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Thường xuyên kiểm tra đê điều, tham mưu xử lý kịp thời trong mùa mưa bão; theo dõi, đo mực nước trong nội đồng, vận hành công ngăn triều cường, tiêu úng đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất. Hoàn thành công trình Khắc phục sạt lở khẩn cấp đoạn đê hữu sông Cổ Chiên, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành; tiếp

tục triển khai các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn phòng, chống hạn mặn; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh tổ chức phát sóng các phóng sự, phim ngắn, tài liệu tuyên truyền về phòng, chống thiên tai.

Trên đây là kết quả thực hiện nhiệm vụ 9 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2019 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các phòng, đơn vị trực thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị, địa phương mình, tổ chức quán triệt trong nội bộ và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện để đạt kết quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD và các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế TX, TP;
- Lưu: VP.

K. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ
NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN
TỈNH TRÀ VINH
Trần Văn Dũng


**THÔNG KÊ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN
QUÍ III, 9 THÁNG NĂM 2019**

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2018	KH vụ/năm 2019	Tháng 9/2019	Quý III/2019	Ước TH 9 tháng năm 2019	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2			3	4=3/1	5=3/2
A	Giá trị sản xuất toàn ngành (giá 2010)	Tỷ đồng	20.916	28.049		9.701	21.216	101,43%	75,64%
1	Giá trị SX nông nghiệp	"	14.023	18.116		5.632	13.628	97,18%	75,23%
	- Trồng trọt	"	10.265	13.260		4.296	10.065	98,05%	75,90%
	- Chăn nuôi	"	2.223	3.210		317	1.978	88,97%	61,62%
	- Dịch vụ	"	1535	1.646		1.020	1.586	103,27%	96,31%
2	Giá trị lâm nghiệp	"	233	310		71	235	101,05%	75,81%
3	Giá trị sản xuất thủy sản	"	6.661	9.623		3.998	7.353	110,39%	76,41%
	- Khai thác hải sản	"	1.052	1.337		386	1.112	105,74%	83,20%
	- Khai thác nội đồng	"	395	430		154	370	93,62%	86,05%
	- Nuôi trồng thủy sản	"	5.213	7.856		3.457	5.870	112,60%	74,72%
B	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP								
I.	TRỒNG TRỌT								
	Tổng DT gieo trồng	Ha	236.872	277.900	39.545	62.286	239.798	101,24%	86,29%
	Cây lương thực có hạt	Ha	193.563	227.600	36.575	50.055	198.140	102,36%	87,06%
1.1	Cây lúa	Ha							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	190.363	222.600	36.439	49.711	195.236	102,56%	87,71%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	133.015	222.600	49.807	69.523	140.343	105,51%	63,05%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	59,93	55,93	52,37	52,07	58,85	98,20%	105,23%
	- Sản lượng	Tấn	797.101	1.244.900	260.835	362.000	825.890	103,61%	66,34%
	Trong đó:								
	Vụ mùa								
	- Diện tích gieo sạ	Ha	1.697	1.600			2.235	131,73%	139,71%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1.697	1.600			2.235	131,73%	139,71%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	43,33	45,00			44,52	102,75%	98,93%
	- Sản lượng	tấn	7.353	7.200			9.952	135,35%	138,22%
	Vụ Đông - Xuân								
	- DT gieo sạ	ha	66.418	66.000			68.585	103,26%	103,92%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	66.418	66.000			68.585	103,26%	103,92%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2018	KH vụ/năm 2019	Tháng 9/2019	Quý III/2019	Ước TH 9 tháng năm 2019	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	67,10	66,00			66,19	98,64%	100,28%
	- Sản lượng	tấn	445.658	435.600			453.938	101,86%	104,21%
	Vụ Hè Thu								
	- DT gieo sạ	Ha	75.856	77.000			74.705	98,48%	97,02%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	64.900	77.000	49.807	69.523	69.523	107,12%	90,29%
	- Năng suất	Tạ/ha	53,02	52,00	52,37	52,07	52,07	98,21%	100,13%
	- Sản lượng	tấn	344.091	400.400	260.835	362.000	362.000	105,20%	90,41%
	Vụ Thu Đông								
	- Diện tích gieo sạ	Ha	46.392	78.000	36.439	49.711	49.711	107,15%	63,73%
	- Diện tích thu hoạch	Ha		78.000					0,00%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha		51,50					0,00%
	- Sản lượng	tấn		401.700					0,00%
1.2	Cây màu								
1.2.1	DT gieo trồng	Ha	46.509	55.300	3.106	12.575	44.562	95,81%	80,58%
	DT thu hoạch	Ha	41.804	55.300	9.297	14.553	39.693	94,95%	71,78%
	Sản lượng	Tấn	1.090.281	1.480.063	240.812	382.106	965.524	88,56%	65,24%
	Màu lương thực								
	DT gieo trồng	Ha	5.406	7.900	290	816	5.049	93,39%	63,91%
	DT thu hoạch	Ha	4.857	7.900	1.047	1.325	4.532	93,31%	57,37%
	Sản lượng	Tấn	43.274	69.403	9.760	12.807	44.732	103,37%	64,45%
	Cây bắp								
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3.200	5.000	136	344	2.904	90,75%	58,08%
	- Diện tích thu hoạch	"	3.135	5.000	632	726	2.764	88,17%	55,28%
	- Năng suất	Tạ/ha	54,8	54,00	45,4	46,6	54,5	99,45%	100,93%
	- Sản lượng	Tấn	17.180	27.000	2.867	3.381	15.064	87,68%	55,79%
	Khoai lang								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.106	1.350	46	222	1.059	95,66%	78,41%
	+ Diện tích thu hoạch	"	873	1.350	167	293	897	102,75%	66,44%
	+ Năng suất	Tạ/ha	172,0	166,50	165,2	149,4	173,2	100,70%	104,02%
	+ Sản lượng	Tấn	15.016	22.478	2.758	4.377	15.536	103,47%	69,12%
	Sắn								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	665	900	64	122	658	98,99%	73,14%
	+ Diện tích thu hoạch	"	515	900	152	194	536	104,08%	59,56%
	+ Năng suất	Tạ/ha	160,0	160,00	168,4	165,5	161,1	100,69%	100,69%
	+ Sản lượng	Tấn	8.240	14.400	2.560	3.211	8.635	104,79%	59,97%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2018	KH vụ/năm 2019	Tháng 9/2019	Quý III/2019	Ước TH 9 tháng năm 2019	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
1.2.2	Cây có củ khác								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	435	650	44	128	428	98,45%	65,82%
	+ Diện tích thu hoạch	"	334	650	96	112	335	100,30%	51,54%
1.2.3	Cây thực phẩm								
	DT gieo trồng	Ha	26.902	31.500	2.025	8.837	26.518	98,57%	84,18%
	DT thu hoạch	Ha	25.710	31.500	7.088	10.935	24.766	96,33%	78,62%
	Sản lượng	Tấn	536.169	713.910	159.780	244.313	545.362	101,71%	76,39%
	Rau các loại								
	+ DT gieo trồng	Ha	26.416	31.000	2.015	8.733	26.005	98,44%	83,89%
	+ Diện tích thu hoạch	"	25.250	31.000	7.013	10.803	24.296	96,22%	78,37%
	+ Năng suất	Tạ/ha	212,0	230,0	227,6	225,9	224,1	105,71%	97,43%
	+ Sản lượng	Tấn	535.300	713.000	159.632	244.059	544.473	101,71%	76,36%
	Đậu các loại								
	+ DT gieo trồng	Ha	486	500	11	105	514	105,70%	102,74%
	+ Diện tích thu hoạch	"	460	500	75	132	470	102,17%	94,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	18,9	17,33	19,6	19,2	18,9	100,00%	109,06%
	+ Sản lượng	Tấn	869	910	147	253	888	102,17%	97,62%
1.2.4	Cây công nghiệp hàng năm								
	DT gieo trồng	Ha	14.201	15.900	791	2.922	12.995	91,51%	81,73%
	DT thu hoạch	Ha	11.237	15.900	1.162	2.293	10.395	92,51%	65,38%
	Sản lượng	Tấn	510.837	696.750	71.272	124.987	375.431	73,49%	53,88%
	Đậu phộng								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.235	5.100	128	313	4.247	100,29%	83,28%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.782	5.100	146	378	3.879	102,56%	76,06%
	+ Năng suất	Tạ/ha	52,50	51,29	49,27	52,13	54,10	103,05%	105,47%
	+ Sản lượng	Tấn	19.856	26.160	719	1.970	20.985	105,69%	80,22%
	Mía								
	+ Diện tích trồng	Ha	4.515	4.500	26	495	2.829	62,66%	62,87%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.360	4.500	566	788	2.286	68,04%	50,80%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.053,0	1.050	966,9	1.045,3	925,6	87,90%	88,15%
	+ Sản lượng	Tấn	353.808	472.500	54.728	82.366	211.592	59,80%	44,78%
	Cây lác (cói)								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.037	2.700	174	623	2.078	101,99%	76,94%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.498	2.700	129	313	1.512	100,93%	56,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	111,3	115,00	72,1	92,0	110,7	99,46%	96,26%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2018	KH vụ/năm 2019	Tháng 9/2019	Quý III/2019	Ước TH 9 tháng năm 2019	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Sản lượng	Tấn	16.673	31.050	930	2.881	16.738	100,39%	53,91%
	Cây trồng khác								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.414	3.600	463	1.491	3.841	112,51%	106,69%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.597	3.600	321	814	2.718	104,66%	75,50%
	+ Sản lượng	Tấn	164.442	223.200	19.902	51.543	172.158	104,69%	77,13%
II	Cây lâu năm	Ha	39.612	40.250	-	160	40.575	102,43%	100,81%
	- Cây ăn quả								
	+ Diện tích	ha	17.972	18.250		110	18.135	100,91%	99,37%
	+ Sản lượng	tấn	214.668	255.000		92.600	225.370	104,99%	88,38%
	- Cây dứa								
	+ Diện tích	ha	21.640	22.000		50	22.440	103,70%	102,00%
	+ Sản lượng	tấn	202.286	277.000		78.721	210.038	103,83%	75,83%
C	CHĂN NUÔI								
	- Tổng đàn trâu, bò	con	207.745	215.500		105	209.604	100,89%	97,26%
	- Tổng đàn lợn	con	335.226	360.000		(106.378)	219.850	65,58%	61,07%
	- Tổng đàn gia cầm	1000 con	4.786	5.000		1.307	7.522	157,17%	150,44%
D	LÂM NGHIỆP								
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	40	60		153	173,27	433,18%	288,78%
	- Chăm sóc rừng	Ha	713	444		127	570,63	80,03%	128,52%
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	5.160	5.452		-	5.452	105,66%	100,00%
	- Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây	78	75		17	75	96,15%	100,00%
	- Vệ sinh PCCC rừng	Ha	259	259		10	268,63	103,72%	103,72%
E	THỦY SẢN								
1	Tổng diện tích nuôi	Ha	57.414	53.200	1.894	5.006	47.317	82,41%	88,94%
1.1	Nuôi nước ngọt	"	3.129	3.500	314	1.060	2.190	70,00%	62,57%
	- Diện tích nuôi cá	"	1.508	2.000	287	686	1.536	101,86%	76,80%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	46	40	1	22	42	90,37%	104,63%
	+ Cá lóc	"	212	270	31	94	244	115,29%	90,47%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1.621	1.500	27	374	654	40,36%	43,61%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.621	1.500	27	374	654	40,36%	43,61%
	- Diện tích nuôi khác	"							
1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	54.285	49.700	1.580	3.945	45.126	83,13%	90,80%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	53.440	48.700	1.570	3.915	44.896	84,01%	92,19%
	Trong đó: + Tôm sú	"	24.625	21.700	178	552	19.552	79,40%	90,10%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	7.259	8.500	587	644	6.644	91,53%	78,17%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2018	KH vụ/năm 2019	Tháng 9/2019	Quý III/2019	Ước TH 9 tháng năm 2019	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Cua biển	"	21.556	18.500	805	2.719	18.700	86,75%	101,08%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết)	"	845	1.000	10	30	230	27,22%	23,00%
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	146.591	218.000	22.537	75.399	163.421	111,48%	74,96%
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	83.374	140.000	15.454	52.243	101.069	121,22%	72,19%
2.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	37.748	76.500	6.276	17.027	45.133	119,56%	59,00%
	- Sản lượng cá	"	36.660	75.000	6.108	16.578	43.615	118,97%	58,15%
	<i>Trong đó: cá tra, cá ba sa</i>	"	6.660	20.000	1.454	2.389	7.260	109,01%	36,30%
	<i>Cá lóc</i>	"	18.515	35.000	2.403	9.921	25.907	139,93%	74,02%
	- Sản lượng tôm càng xanh	"	1.088	1.500	168	449	1.518	139,54%	101,21%
	- Sản lượng thủy sản khác	"							
2.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	45.627	63.500	9.178	35.216	55.936	122,59%	88,09%
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	44.593	58.500	8.859	33.254	53.529	120,04%	91,50%
	<i>Trong đó: + Tôm sú</i>	"	9.439	12.000	961	5.513	9.416	99,76%	78,47%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	29.961	39.000	7.073	24.782	39.216	130,89%	100,55%
	+ Nuôi cua biển	"	5.193	7.500	825	2.958	4.896	94,28%	65,28%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	1.034	5.000	319	1.962	2.407	232,83%	48,15%
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	63.217	78.000	7.083	23.157	62.352	98,63%	79,94%
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	54.373	68.000	6.162	19.993	54.788	100,76%	80,57%
	<i>Trong đó: - Cá các loại</i>	Tấn	24.228	29.000	2.979	8.638	24.258	100,12%	83,65%
	- Tôm các loại	Tấn	6.368	9.000	911	3.523	8.323	130,69%	92,47%
	- Thủy sản khác	"	23.776	30.000	2.273	7.832	22.207	93,40%	74,02%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	8.844	10.000	921	3.164	7.564	85,53%	75,64%
	<i>Trong đó: - Cá các loại</i>	"	4.300	5.000	495	1.763	3.905	90,81%	78,10%
	- Tôm các loại	"	2.545	3.000	49	104	1.525	59,93%	50,84%
	- Thủy sản khác	"	1.999	2.000	376	1.297	2.134	106,74%	106,69%
	* Tình hình thiệt hại tôm sú								
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	20.712		390	3.606	21.055		
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1.330		48	1.066	2.560		
	- Diện tích thả nuôi	Ha	23.955		178	552	19.552		
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	507		10	529	1.049		
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.528		49	218	1.568		
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	109		0	9	174		
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	7			4	11		

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2018	KH vụ/năm 2019	Tháng 9/2019	Quý III/2019	Ước TH 9 tháng năm 2019	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
	* <i>Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>								
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	16.157		1.028	5.112	17.332		
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	3.226		2	1.238	3.577		
	- Diện tích thả nuôi	Ha	6.656		586	644	6.644		
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	1.127		5	451	1.205		
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	3.763		344	1.375	3.978		
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	675		0	263	710		
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	18			19	18		